TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 185/2019/ DS-ST
Ngày: 25/6/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà nguyễn Thị Lưu Ly

Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 582/2018/TLST-DS ngày 11/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính T; Địa chỉ: X, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim A, sinh năm: 1994; Địa chỉ liên lạc: C, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Tài chính T (Văn bản ủy quyền số 100/UQTA-VH.18, tháng 11/2018). Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế V, sinh năm Y; Địa chỉ: P, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/11/2018; lời khai trong Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn là Công Ty Tài Chính T do bà Ngô Thị Kim A đại diện trình bày:

Ngày 30/6/2015, ông Nguyễn Thế V có ký Đơn Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số 0521153 với Công ty tài chính TNHH T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cùng với 1.100.000đ (Một triệu một trăm ngàn đồng) phí bảo hiểm của hợp đồng vay. Tổng cộng là 21.100.000 đồng (Hai mươi mốt triệu một trăm ngàn đồng), mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất thoả thuận 5,00 %/tháng, thời hạn vay 24 tháng, mỗi tháng trả số tiền 1.449.418. Thanh toán vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/08/2015.

Công ty tài chính T đã giao số tiền vay cho ông V vào ngày 10/7/2015 bằng hình thức chuyển khoản số tiền 20.000.000đ cho ông V. Từ ngày được giải ngân cho đến nay ông V đã thanh toán cho T được 03 lần, mỗi lần 1.530.000đ, tổng số tiền ông V đã thanh toán cho T là 4.590.000 đồng, trong đó trả nợ gốc là: 1.416.790đ và trả lãi là: 3.173.210đ. Từ ngày 16/10/2015 ông V ngừng thanh toán.

Nay Công ty tài chính T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Thế V thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty tài chính T toàn bộ số tiền ông V còn nợ theo Đơn Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy đăng ký kiêm hợp mở và sử dụng tài khoản số 0521153 là: 30.196.032 (ba mươi triệu một trăm chín mươi sáu ngàn không trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc còn lại: 18.583.209đ và tiền lãi: 11.612.823đ. Không yêu cầu trả số tiền 1.100.000đ phí bảo hiểm.

Bị đơn là ông Nguyễn Thế V vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Công ty Tài chính T (sau đây gọi tắt là Công ty T) khởi kiện ông Nguyễn Thế V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn là ông Nguyễn Thế V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn là Công ty Tài chính T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Tài chính T và ông Nguyễn Thế V.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thế V trả số tiền 30.196.032 (ba mươi triệu một trăm chín mươi sáu ngàn không trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc còn lại: 18.583.209đ và tiền lãi: 11.612.823đ.

Theo Đơn Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 0521153, ngày 30/6/2015 giữa Công ty tài chính T và ông Nguyễn Thế V cùng với lời trình bày của đại diện T, cho thấy giao dịch giữa Công ty T và ông Nguyễn Thế V là "Hợp đồng vay tài sản", mức lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Hợp đồng có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực và có giá trị thực hiện.

HĐXX thấy rằng, theo hợp đồng thì số tiền ông Nguyễn Thế V vay của Công ty T là 20.000.000đồng; mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất vay là 5%/tháng; thời hạn vay là 24 tháng (từ 10/8/2015 đến 10/7/2017); Đôi bên thỏa thuận ông V phải trả cho Công ty T cả gốc và lãi là 34.786.032 đồng (trong đó 20.000.000đ vốn gốc và 14.786.032đ lãi) bằng cách mỗi tháng trả 1.449.418đ trong 24 tháng liên tiếp; bắt đầu thanh toán từ ngày 10/8/2015. Phía Công ty T đã giải ngân số tiền 20.000.000đ theo đúng thỏa thuận của hai bên (BL số 30). Nhưng ông Nguyễn Thế V chỉ mới thực hiện việc trả nợ được 4.590.000 đồng và ngưng trả từ ngày 16/10/2015 cho đến nay. Hiện ông Nguyễn Thế V còn nợ Công ty T 30.196.032 (ba mươi triệu một trăm chín mươi sáu ngàn không trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc còn lại: 18.583.209đ và tiền lãi: 11.612.823đ.

Như vậy, phía ông V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì ông V phải có trách nhiệm trả nợ cho VPB FC nên đã có cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông V phải thanh toán nợ là thỏa đáng.

[3] Về thời hạn thanh toán: Hai bên thỏa thuận tại điểm d khoản 1 mục II phần A Đơn Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 0521153, ngày 30/6/2015 và Bảng thống kê quá trình thanh toán thì lịch trả nợ là vào ngày 10 mỗi tháng, bắt đầu từ ngày 10/8/2015 đến 10/7/2017. Tuy nhiên, cho đến nay ông V vẫn chưa thanh toán hết nợ cho nguyên đơn là đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty T trong việc thu hồi nợ. Vì vậy, ông Nguyễn Thế V phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 30.196.032 (ba mươi triệu một trăm chín mươi sáu ngàn không trăm ba mươi hai đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Nguyễn Thế V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp

với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thế V phải chịu án phí là 5% trên số tiền phải trả cho Công ty T là 30.196.032 x 5% = 1.509.800đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Tài chính T:

Buộc Ông Nguyễn Thế V có trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính T số tiền vay còn nợ theo Đơn Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số 0521153, ngày 30/6/2015 là 30.196.032 (ba mươi triệu một trăm chín mươi sáu ngàn không trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 18.583.209đ (Mười tám triệu năm trăm tám mươi ba ngàn hai trăm lẻ chín đồng) và tiền lãi là 11.612.823đ (Mười một triệu sáu trăm mười hai ngàn tám trăm hai mươi ba đồng).

Thời hạn thanh toán là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông nguyễn Thế V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thế V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.509.800đ (Một triệu năm trăm lẻ chín ngàn tám trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 802.275đ (Tám trăm lẻ hai ngàn hai trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0010539 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính T và ông Nguyễn Thế V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THA dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu